

Số: 2604/QĐ-ĐHLĐXH

Hà Nội, ngày 02 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận thí sinh trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh
đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2020**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

Căn cứ Quyết định số 1263/QĐ-LĐTBXH ngày 07/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 500/QĐ-LĐTBXH ngày 08/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về kiện toàn cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1854/QĐ-ĐHLĐXH ngày 10/10/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội về việc Ban hành Quy định đào tạo thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 23/QĐ-ĐHLĐXH ngày 07/01/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh cao học năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2603/QĐ-ĐHLĐXH, ngày 02/10/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội về việc quy định điểm trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2020;

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng tuyển sinh cao học năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 152 thí sinh có tên trong danh sách đính kèm đã trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2020 của Trường Đại học Lao động - Xã hội, được tổ chức thi trong các ngày 26-27/9/2020, trong đó:

- Chuyên ngành Công tác xã hội: 30 thí sinh (Chi tiết tại Phụ lục I);
- Chuyên ngành Kế toán: 08 thí sinh (Chi tiết tại Phụ lục II);
- Chuyên ngành Quản trị kinh doanh: 06 thí sinh (Chi tiết tại Phụ lục III);
- Chuyên ngành Quản trị nhân lực: 108 thí sinh (Chi tiết tại Phụ lục IV).

Điều 2. Quyền lợi và nghĩa vụ của các thí sinh trúng tuyển được thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Lao động - Xã hội.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính - Tổng hợp, Trưởng phòng Kế toán - Tài chính, Trưởng



khoa Sau đại học, Trường các đơn vị có liên quan và các thí sinh trúng tuyển có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 8

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website Trường;
- Lưu: VT, K. SDH.

HIỆU TRƯỞNG



Hà Xuân Hùng



Phụ lục I

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 2 NĂM 2020
CHUYÊN NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI**

(Kèm theo Quyết định số: 2604 /QĐ-ĐHLĐXH, ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Miễn thi Tiếng Anh	Đối tượng ưu tiên	Hành vi CN và MTXH (1)	Nhập môn CTXH (2)	Tiếng Anh	Tổng (1)+(2)	Ghi chú
1	CT14016	Nguyễn Trúc Ly	Nữ	15/03/1984	Cà Mau			9.00	7.25	62.00	16.25	
2	CT14003	Lê Thị Anh	Nữ	07/01/1997	Đắk Lắk			9.50	6.00	70.00	15.50	
3	CT14023	Lê Tấn Tài	Nam	14/12/1990	Tp.HCM			8.50	7.00	74.00	15.50	
4	CT14017	Nguyễn Thị Mai	Nữ	06/01/1979	Quảng Bình			9.00	6.25	68.00	15.25	
5	CT14029	Nguyễn Thị Bảo Trâm	Nữ	24/03/1998	Trà Vinh			9.00	6.25	66.00	15.25	
6	CT14015	Đặng Minh Lộc	Nam	17/03/1995	Tp. HCM			9.00	5.50	64.00	14.50	
7	CT14024	Chu Văn Thành	Nam	26/05/1990	Thanh Hóa			8.50	6.00	64.00	14.50	
8	CT14013	Thái Đình Huy	Nam	23/01/1981	Tp. HCM			9.00	5.25	70.00	14.25	
9	CT14010	Lâm Ngọc Hiếu	Nữ	09/07/1984	Cà Mau			8.75	5.25	63.00	14.00	
10	CT14011	Trần Phạm Hồng Hiếu	Nam	29/01/1990	Bà Rịa - Vũng Tàu			9.00	5.00	65.00	14.00	
11	CT14008	Nguyễn Thị Ngọc Hà	Nữ	23/11/1990	Thái Nguyên			6.00	7.50	65.00	13.50	
12	CT14022	Ngô Thái Sơn	Nam	28/03/1985	Bà Rịa - Vũng Tàu			7.50	6.00	62.00	13.50	
13	CT14006	Phạm Thanh Cường	Nam	11/09/1979	Tp.HCM			7.50	5.75	66.00	13.25	
14	CT14007	Lê Thị Dung	Nữ	30/10/1992	Thanh Hóa			7.50	5.75	74.00	13.25	
15	CT14019	Nguyễn Văn Nguyên	Nam	14/10/1994	Hà Nội			8.00	5.25	68.00	13.25	
16	CT14027	Trần Thị Thu Thủy	Nữ	10/01/1998	Hà Nam			6.00	7.25	68.00	13.25	



STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Miễn thi Tiếng Anh	Đối tượng ưu tiên	Hành vi CN và MTXH (1)	Nhập môn CTXH (2)	Tiếng Anh	Tổng (1)+(2)	Ghi chú
17	CT14030	Nguyễn Quốc Trong	Nam	11/09/1998	Tiền Giang			8.00	5.25	72.00	13.25	
18	CT14004	Phạm Thị Ngọc Anh	Nữ	03/05/1995	Bắc Giang			5.00	8.00	68.00	13.00	
19	CT14031	Nguyễn Hoàng Tuấn	Nam	13/09/1978	Bà Rịa - Vũng Tàu			8.00	5.00	65.00	13.00	
20	CT14020	Trương Thị Nhung	Nữ	02/02/1989	Quảng Ngãi			5.50	7.00	78.00	12.50	
21	CT14028	Vũ Thế Tiến	Nam	22/10/1997	Ninh Bình			6.50	5.75	54.00	12.25	
22	CT14012	Lê Hoàng Huy	Nam	11/08/1997	Hưng Yên			5.50	6.25	56.00	11.75	
23	CT14021	Nguyễn Thị Lệ Quỳnh	Nữ	29/07/1992	Thái Bình			6.00	5.75	63.00	11.75	
24	CT14009	Lưu Xuân Hào	Nam	02/05/1974	Thái Bình			5.00	6.50	62.00	11.50	
25	CT14002	Chu Tuấn Anh	Nam	18/09/1990	Hòa Bình			5.00	6.25	61.00	11.25	
26	CT14025	Nguyễn Văn Thái	Nam	20/03/1961	Cà Mau		ConLS	5.00	6.00	81.00	11.00	- Đã cộng 10 điểm vào môn Tiếng Anh - Đã cộng 1 điểm vào môn NMCTXH
27	CT14026	Hà Mạnh Thắng	Nam	09/05/1983	Hòa Bình			5.00	6.00	69.00	11.00	
28	CT14032	Nguyễn Hoàng Vũ	Nam	16/03/1980	Bạc Liêu			5.00	6.00	62.00	11.00	
29	CT14005	Đặng Chí Cường	Nam	15/06/1980	Bạc Liêu			5.00	5.50	71.00	10.50	
30	CT14018	Vũ Anh Minh	Nam	01/01/1989	Hưng Yên			5.00	5.25	64.00	10.25	

Danh sách có 30 thí sinh trúng tuyển./.

HIỆU TRƯỞNG

TS. Hà Xuân Hùng

Phụ lục II

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 2 NĂM 2020
CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN**

(Kèm theo Quyết định số: 2604 /QĐ-ĐHLĐXH, ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Miễn thi Tiếng Anh	Đối tượng ưu tiên	Kế toán quản trị (1)	Nguyên lý kế toán (2)	Tiếng Anh	Tổng (1)+(2)	Ghi chú
1	KT14037	Lê Khánh Linh	Nữ	07/10/1998	Hà Nam			9.25	9.35	75.00	18.60	
2	KT14039	Trần Công Sơn	Nam	22/04/1992	Nam Định			9.25	9.20	72.00	18.45	
3	KT14040	Nguyễn Mạnh Tuấn	Nam	20/03/1981	Hà Nội			9.25	9.10	66.00	18.35	
4	KT14038	Phạm Thị Nguyên Ngọc	Nữ	26/06/1986	Hà Nội			9.25	9.00	74.00	18.25	
5	KT14035	Nguyễn Thị Kim Huệ	Nữ	19/04/1998	Ninh Bình			9.25	7.40	73.00	16.65	
6	KT14036	Nguyễn Thanh Huyền	Nữ	11/10/1997	Hà Nội			9.25	7.15	75.00	16.40	
7	KT14034	Nguyễn Kim Chi	Nữ	12/12/1997	Hà Nội			9.00	7.15	68.00	16.15	
8	KT14033	Nguyễn Thị Thúy An	Nữ	15/08/1987	Hà Nội			9.00	6.75	75.00	15.75	

Danh sách có 08 thí sinh trúng tuyển./.

HIỆU TRƯỞNG

TS. Hà Xuân Hùng

Phụ lục III

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 2 NĂM 2020
CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

(Kèm theo Quyết định số: 2604 /QĐ-ĐHLĐXH, ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Miễn thi Tiếng Anh	Đối tượng ưu tiên	Kinh tế vi mô (1)	Quản trị học (2)	Tiếng Anh	Tổng (1)+(2)	Ghi chú
1	QK14042	Phạm Đức Hiệu	Nam	17/06/1985	Hà Nội			8.78	6.40	59.00	15.18	
2	QK14043	Nguyễn Thị Kim Ngân	Nữ	31/08/1979	Hà Nội			8.65	6.45	65.00	15.10	
3	QK14045	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	25/02/1997	Nam Định			8.43	6.25	70.00	14.68	
4	QK14041	Nguyễn Minh Hiền	Nữ	19/06/1975	Hà Nội			8.33	6.35	68.00	14.68	
5	QK14044	Nguyễn Thị Minh Phượng	Nữ	30/01/1997	Hà Giang			8.08	6.00	67.00	14.08	
6	QK14046	Bùi Thanh Trà	Nữ	26/09/1996	Hà Nội			7.88	5.00	69.00	12.88	

Danh sách có 06 thí sinh trúng tuyển./.

HIỆU TRƯỞNG

TS. Hà Xuân Hùng

Phụ lục IV

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 2 NĂM 2020
CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC**

(Kèm theo Quyết định số: 2604 /QĐ-ĐHLĐXH, ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Miễn thi Tiếng Anh	Đối tượng ưu tiên	Tiền lương (1)	Quản trị nhân lực (2)	Tiếng Anh	Tổng (1)+(2)	Ghi chú
1	QT14069	Nguyễn Trần Giang	Nam	14/05/1988	Hà Nội			9.00	8.50	51.00	17.50	
2	QT14080	Bùi Thị Hiền	Nữ	07/09/1998	Hải Phòng	TOEIC 490		9.00	8.20	-----	17.20	Miễn thi Tiếng Anh
3	QT14110	Hoàng Thị Thanh Mai	Nữ	17/08/1998	Nghệ An			9.25	7.70	59.00	16.95	
4	QT14138	Nguyễn Thị Thuyết	Nữ	19/08/1982	Hải Dương			7.75	9.00	63.00	16.75	
5	QT14076	Nguyễn Hàn Hồng Hạnh	Nữ	02/03/1997	Phú Thọ			7.50	8.70	56.00	16.20	
6	QT14108	Phan Thắng Long	Nam	03/05/1983	Hưng Yên			8.00	8.15	60.00	16.15	
7	QT14123	Nguyễn Minh Nhật	Nữ	16/10/1997	Bắc Ninh			7.75	8.40	79.00	16.15	
8	QT14124	Phạm Thành Nhơn	Nam	01/02/1990	Lâm Đồng			7.75	8.15	60.00	15.90	
9	QT14131	Bùi Thị Thu Thảo	Nữ	05/10/1996	Hải Phòng	TOEIC 505		7.00	8.90	-----	15.90	Miễn thi Tiếng Anh
10	QT14149	Lê Thành Trung	Nữ	28/09/1995	Hà Nội	TOEIC 610		8.75	7.15	-----	15.90	Miễn thi Tiếng Anh
11	QT14051	Nguyễn Thị Mai Anh	Nữ	01/06/1979	Hải Phòng			8.25	7.55	68.00	15.80	
12	QT14060	Vũ Phương Hồng Diệp	Nữ	18/12/1997	Hà Nội			7.75	8.05	70.00	15.80	
13	QT14135	Hà Thị Kim Thu	Nữ	11/08/1996	Ninh Bình			8.00	7.75	75.00	15.75	
14	QT14104	Văn Phú Lễ	Nam	22/07/1972	Đà Nẵng			7.50	8.15	73.00	15.65	
15	QT14160	Nguyễn Thị Vân	Nữ	20/07/1987	Bắc Giang			7.50	8.00	70.00	15.50	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Miễn thi Tiếng Anh	Đối tượng ưu tiên	Tiền lương (1)	Quản trị nhân lực (2)	Tiếng Anh	Tổng (1)+(2)	Ghi chú
16	QT14050	Nguyễn Huyền Anh	Nữ	19/07/1992	Hà Nội			7.25	8.20	74.00	15.45	
17	QT14114	Nguyễn Tây Nam	Nam	24/04/1971	Hà Nội			7.75	7.70	56.00	15.45	
18	QT14059	Lưu Bích Diệp	Nữ	24/12/1989	Hà Nội			7.75	7.65	60.00	15.40	
19	QT14081	Lê Thị Minh Hiền	Nữ	18/10/1979	Đồng Nai	Cử nhân TA		8.00	7.40	-----	15.40	Miễn thi Tiếng Anh
20	QT14072	Trần Thị Thu Hà	Nữ	25/10/1997	Quảng Ninh			7.50	7.85	76.00	15.35	
21	QT14120	Đinh Thị Nguyệt	Nữ	30/10/1993	Bà Rịa - Vũng Tàu			7.50	7.85	62.00	15.35	
22	QT14125	Đàm Hoàng Phát	Nam	20/11/1997	Nam Định	TOEIC 555		7.25	8.10	-----	15.35	Miễn thi Tiếng Anh
23	QT14154	Vũ Thị Tuyết	Nam	10/12/1985	Ninh Bình	Cử nhân TA		7.25	8.00	-----	15.25	Miễn thi Tiếng Anh
24	QT14155	Trịnh Hữu Tùng	Nữ	11/09/1991	Thanh Hóa			7.00	8.25	74.00	15.25	
25	QT14103	Đặng Trung Kiên	Nam	22/05/1996	Hà Nội			7.75	7.45	71.00	15.20	
26	QT14109	Nguyễn Bá Lực	Nam	07/12/1975	Hà Nội			7.50	7.70	58.00	15.20	
27	QT14134	Phạm Thị Hồng Thơm	Nữ	29/03/1997	Thái Bình			7.50	7.65	69.00	15.15	
28	QT14139	Lê Thị Thủy	Nữ	18/02/1998	Bắc Ninh			6.75	8.40	66.00	15.15	
29	QT14144	Nguyễn Thái Toàn	Nam	10/04/1994	Quảng Trị			6.75	8.35	69.00	15.10	
30	QT14084	Vũ Minh Hiền	Nữ	06/07/1984	Thái Bình	IELTS 5.5		7.25	7.70	-----	14.95	Miễn thi Tiếng Anh
31	QT14054	Phạm Thị Ngọc Ánh	Nữ	28/04/1998	Lâm Đồng			7.50	7.40	69.00	14.90	
32	QT14096	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nữ	04/07/1986	Nghệ An			6.25	8.60	61.00	14.85	
33	QT14089	Nguyễn Thanh Hoa	Nữ	04/11/1988	Hà Nội			8.00	6.75	78.00	14.75	
34	QT14142	Ngô Thị Thương	Nữ	27/12/1998	Bắc Giang			7.25	7.50	56.00	14.75	
35	QT14136	Lê Ngọc Thu	Nữ	19/11/1998	Hà Nội			6.25	8.35	85.00	14.60	
36	QT14143	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	Nữ	26/11/1997	Tp. HCM	TOEIC 625		6.75	7.85	-----	14.60	Miễn thi Tiếng Anh

100%
 100%
 HỌC
 ĐỒN
 HỘI
 100%

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Miễn thi Tiếng Anh	Đổi tượng ưu tiên	Tiền lương (1)	Quản trị nhân lực (2)	Tiếng Anh	Tổng (1)+(2)	Ghi chú
37	QT14140	Đỗ Thị Thanh	Thúy	Nữ	16/10/1994	Hòa Bình		7.00	7.55	64.00	14.55	
38	QT14053	Trần Minh	Anh	Nam	15/01/1993	Hà Nội		6.00	8.50	71.00	14.50	
39	QT14141	Võ Ngọc Minh	Thư	Nữ	02/12/1988	Tp. HCM		7.25	7.25	77.00	14.50	
40	QT14068	Đỗ Thị Dương	Giang	Nữ	12/12/1997	Hung Yên		7.25	7.20	69.00	14.45	
41	QT14071	Chu Thị Hồng	Hà	Nữ	21/07/1981	Hà Nội		7.25	7.15	67.00	14.40	
42	QT14112	Đỗ Quang	Minh	Nam	08/11/1983	Hà Nam	IELTS 5.5	7.75	6.45	-----	14.20	Miễn thi Tiếng Anh
43	QT14147	Võ Thị Thanh	Trà	Nữ	25/02/1981	Hà Nội	Cử nhân TA	6.50	7.70	-----	14.20	Miễn thi Tiếng Anh
44	QT14086	Vũ Minh	Hiền	Nam	24/10/1998	Thái Bình		7.00	7.15	62.00	14.15	
45	QT14133	Phạm Như Tiên	Thịnh	Nam	07/11/1991	Tp. HCM	TOEIC 695	6.75	7.40	-----	14.15	Miễn thi Tiếng Anh
46	QT14156	Hoàng	Tùy	Nữ	12/01/1977	Thừa Thiên Huế		7.00	7.15	68.00	14.15	
47	QT14161	Đỗ Thị	Yến	Nữ	19/02/1983	Hà Nội		6.50	7.65	72.00	14.15	
48	QT14048	Hồ Nguyễn Trung	Anh	Nữ	04/05/1994	Nghệ An	Cử nhân TA	7.25	6.85	-----	14.10	Miễn thi Tiếng Anh
49	QT14153	Trần Thị Bạch	Tuyết	Nam	21/01/1985	Tp. HCM		6.25	7.85	76.00	14.10	
50	QT14146	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	07/04/1998	Quảng Ngãi	TOEIC 455	6.75	7.25	-----	14.00	Miễn thi Tiếng Anh
51	QT14082	Nguyễn Ngọc	Hiền	Nữ	24/09/1993	Bắc Giang		7.25	6.60	55.00	13.85	
52	QT14093	Phạm Thị	Huế	Nữ	09/10/1982	Thanh Hóa		6.75	7.10	64.00	13.85	
53	QT14062	Trần Thị Thùy	Dương	Nữ	06/03/1984	Tp. HCM		7.00	6.80	66.00	13.80	
54	QT14066	Đỗ Hải	Đặng	Nam	17/05/1996	Bắc Giang	Cử nhân TA	7.00	6.80	-----	13.80	Miễn thi Tiếng Anh
55	QT14152	Đào Anh	Tuấn	Nam	28/05/1997	Hà Nội		6.75	7.05	83.00	13.80	
56	QT14077	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	24/10/1991	Thanh Hóa		6.50	7.25	63.00	13.75	
57	QT14085	Vũ Thúy	Hiền	Nữ	03/01/1996	Tp. HCM	TOEIC 735	6.50	7.25	-----	13.75	Miễn thi Tiếng Anh

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Miễn thi Tiếng Anh	Đổi tượng ưu tiên	Tiền lương (1)	Quản trị nhân lực (2)	Tiếng Anh	Tổng (1)+(2)	Ghi chú
58	QT14127	Nguyễn Đức Hoài Sơn	Nam	12/03/1996	Bình Thuận			5.50	8.25	79.00	13.75	
59	QT14092	Lã Thị Hòe	Nữ	29/01/1985	Ninh Bình			7.25	6.40	69.00	13.65	
60	QT14148	Lê Thị Mỹ Trâm	Nữ	12/08/1986	Ninh Thuận			6.50	7.10	69.00	13.60	
61	QT14073	Đoàn Xuân Hải	Nữ	15/08/1984	Hà Tĩnh			7.00	6.55	72.00	13.55	
62	QT14113	Võ Ngọc Minh	Nam	28/10/1997	Bà Rịa - Vũng Tàu			6.25	7.30	67.00	13.55	
63	QT14151	Trần Quốc Trưởng	Nam	1984	Bạc Liêu			6.50	7.05	61.00	13.55	
64	QT14105	Nguyễn Mai Lệ	Nữ	10/01/1974	Hà Nội			6.25	7.25	60.00	13.50	
65	QT14047	Nguyễn Thị Thúy An	Nữ	14/07/1990	Sóc Trăng			6.75	6.70	66.00	13.45	
66	QT14121	Nguyễn Ngọc Nhận	Nam	30/08/1969	Vĩnh Phúc			7.25	6.15	73.00	13.40	
67	QT14064	Nguyễn Thị Linh Đa	Nữ	15/10/1990	Tiền Giang			7.50	5.85	73.00	13.35	
68	QT14118	Nguyễn Thị Nga	Nữ	15/02/1989	Bình Thuận			6.75	6.55	54.00	13.30	
69	QT14107	Nguyễn Thùy Linh	Nữ	12/09/1989	Thái Bình			6.00	7.20	70.00	13.20	
70	QT14119	Trương Thị Ngân	Nữ	22/04/1989	Bến Tre			6.00	7.20	66.00	13.20	
71	QT14098	Nguyễn Thị Quyển Hương	Nữ	18/10/1985	Tp. HCM			6.50	6.65	72.00	13.15	
72	QT14132	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	21/01/1984	Nghệ An			5.25	7.80	75.00	13.05	
73	QT14063	Huỳnh Thanh Đa	Nữ	21/03/1989	Long An			6.50	6.45	56.00	12.95	
74	QT14049	Mai Tuấn Anh	Nam	22/09/1997	Hà Nội			5.75	7.15	70.00	12.90	
75	QT14137	Phan Thị Xuân Thu	Nữ	02/11/1974	Tp. HCM			6.50	6.40	77.00	12.90	
76	QT14057	Võ Trương Kim Chi	Nữ	09/10/1998	Tp. HCM			6.50	6.35	68.00	12.85	
77	QT14083	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	Nữ	19/07/1998	Tp. Hồ Chí Minh			6.50	6.35	78.00	12.85	
78	QT14102	Phạm Công Khanh	Nam	18/02/1998	Cà Mau			5.25	7.60	51.00	12.85	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Miễn thi Tiếng Anh	Đổi tượng ưu tiên	Tiền lương (1)	Quản trị nhân lực (2)	Tiếng Anh	Tổng (1)+(2)	Ghi chú
79	QT14130	Võ Minh Thành	Nam	04/11/1989	Bến Tre			5.75	7.10	71.00	12.85	
80	QT14100	Nguyễn Thị Xuân Hương	Nữ	10/06/1990	Bình Định			6.50	6.20	55.00	12.70	
81	QT14157	Lê Thị Hồng Tươi	Nữ	19/10/1990	Long An			6.25	6.35	72.00	12.60	
82	QT14158	Cáp Thị Ty	Nữ	28/03/1985	Bình Thuận			5.75	6.85	69.00	12.60	
83	QT14116	Trương Xuân Nam	Nam	23/06/1988	Sơn La			5.75	6.80	58.00	12.55	
84	QT14070	Phạm Trường Giang	Nam	14/08/1990	Nam Định	TOEIC 660		7.00	5.50	-----	12.50	Miễn thi Tiếng Anh
85	QT14128	Nguyễn Tấn Tài	Nam	26/01/1985	Bến Tre			5.75	6.60	74.00	12.35	
86	QT14150	Phan Thị Thanh Trúc	Nam	07/03/1991	Long An			5.75	6.60	58.50	12.35	
87	QT14159	Võ Phương Nhật Uyên	Nữ	17/03/1989	Tp. HCM			5.50	6.85	75.00	12.35	
88	QT14090	Hoàng Thị Hoài	Nữ	20/02/1989	Bắc Kạn			6.00	6.30	74.00	12.30	
89	QT14074	Huỳnh Hữu Hải	Nam	12/06/1975	Bình Định			6.25	6.00	66.00	12.25	
90	QT14115	Phan Xuân Nam	Nam	26/01/1975	Kiên Giang			6.50	5.65	60.00	12.15	
91	QT14056	Phan Đức Bình	Nam	18/11/1997	Hà Nội			5.25	6.85	64.00	12.10	
92	QT14111	Trần Thị Mãi	Nữ	29/12/1981	Quảng Trị			5.50	6.35	59.00	11.85	
93	QT14122	Phan Hoàng Nhân	Nam	09/02/1998	Tiền Giang			6.25	5.60	62.00	11.85	
94	QT14078	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Nữ	07/04/1982	Bạc Liêu			6.00	5.80	76.00	11.80	
95	QT14058	Nguyễn Thị Kim Cúc	Nữ	20/01/1977	Tp. HCM			6.00	5.75	56.00	11.75	
96	QT14097	Lê Phước Hòa Hưng	Nữ	20/10/1980	An Giang	Cử nhân TA		5.00	6.60	-----	11.60	Miễn thi Tiếng Anh
97	QT14067	Trần Lê Hải Đăng	Nam	18/07/1995	Tp. HCM			5.50	6.05	65.00	11.55	
98	QT14065	Huỳnh Văn Đang	Nam	18/10/1980	Cà Mau			6.00	5.50	62.00	11.50	
99	QT14088	Đặng Thị Thanh Hoa	Nữ	11/07/1980	Nam Định			5.75	5.75	69.00	11.50	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Miễn thi Tiếng Anh	Đổi tượng ưu tiên	Tiền lương (1)	Quản trị nhân lực (2)	Tiếng Anh	Tổng (1)+(2)	Ghi chú
100	QT14101	Trần Thiện Bảo Khang	Nữ	22/11/1988	Tp. HCM			5.00	6.45	60.00	11.45	
101	QT14106	Nguyễn Ngọc Liêm	Nam	05/02/1983	Tp. HCM			5.00	6.30	64.00	11.30	
102	QT14052	Nguyễn Thị Tú Anh	Nữ	16/06/1996	Long An			5.75	5.35	69.00	11.10	
103	QT14095	Lê Nguyễn Ngọc Huyền	Nữ	26/08/1996	Bình Dương			5.00	6.10	59.00	11.10	
104	QT14099	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	20/04/1982	Bình Phước			6.00	5.00	56.00	11.00	
105	QT14094	Lưu Tiến Huy	Nam	24/01/1989	Hà Tĩnh			5.00	5.80	57.00	10.80	
106	QT14061	Lê Đỗ Khánh Dư	Nữ	13/04/1985	Đắk Lắk			5.50	5.20	65.00	10.70	
107	QT14079	Vũ Thị Hân	Nữ	26/10/1978	Tp. HCM			5.25	5.05	71.00	10.30	
108	QT14091	Nguyễn Văn Hoàng	Nam	31/01/1982	Tp. HCM			5.00	5.25	74.00	10.25	

Danh sách có 108 thí sinh trúng tuyển./.

HIỆU TRƯỞNG


TS. Hà Xuân Hùng

